***Ngày soạn:25/02/2021***

***Ngày giảng:01/3 /2021***

|  |  |
| --- | --- |
| **Tiết:89** |  |

**Tiếng Việt**

**CÂU TRẦN THUẬT**

**Thời gian thực hiện: 1 tiết**

**I. MỤC TIÊU:**

**1. Kiến thức:**

Hiểu rõ đặc điểm hình thức và chức năng của câu trần thuật. Phân biệt câu trần thuật với các kiểu câu khác.

**2. Năng lực:**

**a. Các năng lực chung:**

- Năng lực tự học; năng lực giải quyết vấn đề; năng lực tư duy; năng lực giao tiếp; năng lực hợp tác.

**b. Các năng lực chuyên biệt:**

- Năng lực sử dụng ngôn ngữ.

- Năng lực nghe, nói, đọc, viết, tạo lập văn bản.

- HS có kĩ năng dùng câu trần thuật phù hợp với hoàn cảnh giao tiếp.Năng lực sử dụng câu đúng và hay.

**3. Phẩm chất:**

- Yêu quê hương đất nước.

- Tự lập, tự tin, tự chủ.

- HS có ý tình yêu Tiếng Việt; có ý thức trau dồi vốn ngôn ngữ Tiếng Việt và giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Chuẩn bị của giáo viên:**

- Kế hoạch bài học.

- Học liệu: bảng phụ, tài liệu tham khảo, phiếu học tập.

**2. Chuẩn bị của học sinh:** soạn bài theo nội dung được phân công.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**1. HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU( 3P)**

**a. Mục tiêu:**

- Tạo tâm thế hứng thú cho HS

**b. Nội dung:** HS nhận diện được câu chia theo mục đích nói.

**c. Sản phẩm:**  Trình bày miệng

**d. Tổ chức thực hiện:**

***\* Chuyển giao nhiệm vụ:***

- GV: nêu câu hỏi

GV treo bảng phụ ghi đoạn hội thoại của 2 HS.

Trên đường đi học về, An hỏi Quỳnh:

- Bài kiểm tra Toán vừa rồi bạn được mấy điểm ?

- Mình được 9 điểm.

- Ôi, điểm cao thế!

- Điểm của bạn cũng cao mà…

? Dựa vào kiến thức đã được học về kiểu câu chia theo mđ nói, em hãy xác định kiểu câu của 4 câu hội thoại trên? Dựa vào đâu để em xác định câu trên ?

**- HS:** tiếp nhận

***\* Thực hiện nhiệm vụ***

*- Học sinh:* trả lời

*- Giáo viên:* quan sát giúp đỡ Hs

***\* Dự kiến sản phẩm:***

- Bài viết tập làm văn số 5 vừa rồi bạn được mấy điểm ?(câu nghi vấn)

- Mình được 9 điểm. (câu trần thuật - có thể không xđ được)

- Ôi, điểm cao thế! (câu cảm thán)

- Điểm của bạn cũng cao mà…(câu trần thuật - có thể không xđ được)

HS có thể trả lời được câu nghi vấn và cảm thán dựa vào đặc điểm hình thức và chức năng, còn câu trần thuật có thể không...

***\* Báo cáo kết quả:*** Học sinh trả lời miệng

***\* Đánh giá kết quả:***

- HS nhận xét, bổ sung đánh giá

- GV nhận xét đánh giá

->GV gieo vấn đề cần tìm hiểu trong bài học

**2. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của thầy và trò** | **Nội dung** |
| **Hoạt động 1: đặc điểm hình thức và chức năng của câu trần thuật**  **a. Mục tiêu:** Nêu được những hiểu biết của mình về câu trần thuật  **b. Nội dung:** Hoạt động nhóm tìm hiểu ví dụ.  **c. Sản phẩm:** phiếu học tập của nhóm  **d. Tổ chức thực hiện:**  ***\* Chuyển giao nhiệm vụ***  *- Giáo viên*: nêu yêu cầu  1. Dựa vào đặc điểm hình thức của câu nghi vấn, câu cầu khiến, câu cảm thán cho biết những VD trên câu nào có đặc điểm hình thức của câu cảm thán, cầu khiến, nghi vấn?  2. Các câu ở VD a, b, c, d có chức năng dùng để làm gì?  3. Qua tìm hiểu VD trên em rút ra nhận xét gì về câu trần thuật?  4. Chức năng chính của câu trần thuật là gì?  5. Trong các kiểu câu nghi vấn, câu cầu khiến, câu cảm thán và câu trần thuật, kiểu câu nào được dùng nhiều nhất? Vì sao?  6. Nhận xét về dấu của các câu trần thuật trên?  **- HS:** tiếp nhận  ***\* Thực hiện nhiệm vụ:***  - *Học sinh*: làm việc cá nhân.  - *Giáo viên*: quan sát, hỗ trợ hs  ***\* Dự kiến sản phẩm:***  1. Cả 3 ví dụ a, b, c, không có đặc điểm hình thức của câu nghi vấn, cầu khiến và cảm thán.  VD d: C1 là câu cảm thán vì có chứa từ ngữ cảm thán “Ôi!”.  C2, 3 mặc dù có dấu chấm than ở cuối câu những không phải là câu cảm thán vì không có chứa những từ ngữ cảm thán.  G: Vậy các câu trên gọi là câu trần thuật.  2. Các câu ở VD a, b, c, d có chức năng dùng để:  - VDa: C1;2 trình bày suy nghĩ của người viết về truyền thống lịch sử vẻ vang của dân tộc ta.  C3: yêu cầu những người đang sống hôm nay phải có trách nhiệm ghi nhớ công lao ấy.  VDb: C1: vừa kể và vừa tả.  C2: thông báo.  VDc: dùng để miêu tả ngoại hình của Cai Tứ.  VD d: C2: nêu lên một nhận định, đánh giá.  C3: bộc lộ tình cảm, cảm xúc (vốn là chức năng chính của câu cảm thán).  3. Câu trần thuật:  - Không có đặc điểm hình thức của kiểu câu nghi vấn, câu cầu khiến, cảm thán.  4. Chức năng chính của câu trần thuật là:  - Dùng để kể, thông báo, nhận định, miêu tả ngoài ra còn dùng để yêu cầu, đề nghị, bộc lộ tình cảm, cảm xúc.  5. Câu trần thuật được dùng nhiều nhất, vì nó thoả mãn nhu cầu trao đổi thông tin và tư tưởng tình cảm của con người trong giao tiếp hàng ngày cũng như trong văn bản.  Ngoài chức năng thông tin, thông báo câu trần thuật còn dùng để yêu cầu, đề nghị, bộc lộ tình cảm, cảm xúc vốn là chức năng của câu cầu khiến, nghi vấn, cảm thán. Nghĩa là gần như tất cả các mục đích giao tiếp khác nhau đều có thể thực hiện bằng câu trần thuật.  6. Thường kết thúc bằng dấu chấm nhưng có khi kết thúc bằng dấu chấm than, dấu ba chấm.  ***\* Báo cáo kết quả:*** Hs trả lời  ***\* Đánh giá kết quả:***  - Học sinh: các nhóm nhận xét , bổ sung, đánh giá  - Giáo viên nhận xét, đánh giá  ->Giáo viên chốt kiến thức và ghi bảng | **I. Đặc điểm hình thức và chức năng:**  **1. Ví dụ:**  **2. Nhận xét:**  - Không có đặc điểm của các kiểu câu...  - Dùng để:  + Trình bày, kể, thông báo, miêu tả, nhận định.  + Yêu cầu,  bộc lộ tình cảm cảm xúc  - Được sử dụng nhiều trong giao tiếp.  - Thường kết thúc...    **3. Ghi nhớ:** sgk |

**3. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu:**

-Vận dụng kiến thức đã học vào làm bài tập

**b. Nội dung:** hoạt động cặp đôi (Bt1,3), nhóm (BT2,4), cá nhân (BT5)

**c. Sản phẩm:**  hs làm vào vở bài tập

**d. Tổ chức thực hiện:**

***\*Chuyển giao nhiệm vụ***

- GV: theo sgk

- HS: tiếp nhận

**\*Thực hiện nhiệm vụ**

- *Học sinh:* làm việc cá nhân

- *Giáo viên:* quan sát hs làm việc, hỗ trợ khi cần thiết

*\* Dự kiến sản phẩm:*

**1. Bài tập 1:**

Cả 3 câu đều là câu trần thuật.

C1: dùng để kể.

C2;3: bộc lộ tình cảm, cảm xúc của Dế Mèn đối với cái chết của Dế Choắt.

**2. Bài tập 2 :**

Nguyên tác : câu nghi vấn.

Dịch: câu trần thuật.

=> Cả hai câu đều diễn đạt một ý nghĩa, đêm trăng đẹp gây xúc động mãnh liệt cho nhà thơ, khiến nhà thơ muốn làm điều gì đó.

Nhưng câu dịch đã làm mất đi cái xốn xang, bối rối được thể hiện ở lời tự hỏi “biết làm thế nào?”. Câu thơ dịch “Khó hững hờ” cho thấy nhân vật trữ tình quá bình thản chứ không rung cảm mạnh mẽ như trong người Bác.

**3. Bài tập 3 :**

a, Câu cầu khiến.

b, Câu nghi vấn.

c, Câu trần thuật.

=> Cả ba câu có chức năng giống nhau dùng để cầu khiến.

- Về ý nghĩa: câu b, c thể hiện ý cầu khiến (đề nghị) nhẹ nhàng, nhã nhặn và lịch sự hơn câu (a).

**4. Bài tập 4:**

- Tất cả đều là câu trần thuật:

+ Câu a và 2b ý cầu khiến.

+ Câu 1b trần thuật- kể.

**5. Bài tập 5 :**

Viết bài (bảng phụ).

Yêu cầu: viết đúng chủ đề.

Sử dụng bấn kiểu câu đã học một cách chính xác, hợp lí.

***\* Báo cáo kết quả:*** Hs: trình bày miệng

***\* Đánh giá kết quả:***

- Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá

- Giáo viên nhận xét, đánh giá

->Giáo viên chốt kiến thức

**4. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG (2P)**

**a. Mục tiêu:** HS biết vận dụng kiến thức đã học áp dụng vào cuộc sống thực tiễn.

**b. Nội dung:** HĐ cá nhân viết 1 đoạn hội thoại sử dụng các kiểu câu chia theo mục đích nói.

**c. Sản phẩm:** Bài viết của học sinh

**d. Tổ chức thực hiện:**

***\* Chuyển giao nhiệm vụ:***

**- GV:**

Bài 6 : Viết 1 đoạn đối thoại ngắn (Giữa GV với hs hoặc hs với hs...) có sử dụng cả 4 kiểu câu đã học (chỉ rõ từng kiểu câu)?

**- HS:** tiếp nhận

***\* Thực hiện nhiệm vụ:***

*- Học sinh:* trả lời

*- Giáo viên:* hướng dẫn, nghe Hs trình bày.

***\* Dự kiến sản phẩm:***

VD đoạn văn

Trên đường đi học về, Lan và An đang nói chuyện bỗng Lan reo to:

- Ôi, hoa súng nở đẹp quá ! (câu cảm thán)

- Hoa ở đâu ? (câu nghi vấn)

- Phía ao bên kia kìa. (câu trần thuật)

- Cậu lội xuống hái đi ! (câu cầu khiến)

***\* Báo cáo kết quả:*** Hs trình bày

***\* Đánh giá kết quả:***

+ Hs khác nhận xét, bổ sung, đánh giá

+ GV đánh giá câu trả lời của HS.

-> GV chốt kiến thức.

**\* Hướng dẫn học và làm bài ở nhà:**

- Học bài, hoàn thiện các bài tập vào vở.

- Chuẩn bị bài:

|  |  |
| --- | --- |
| **Tiết:90,91** |  |

**Văn bản**

**CHIẾU DỜI ĐÔ**

**( Thiên đô chiếu)**

*- Lý Công Uẩn-*

**Thời gian thực hiện: 2 tiết**

**I. MỤC TIÊU:**

**1. Kiến thức:**

- Thấy được khát vọng của ND ta về một đất nước độc lập, thống nhất, hùng cường và khí phách của dân tộc Đại Việt đang trên đà lớn mạnh được phản ánh qua bài chiếu này.- Nắm được đặc điểm của thể chiếu. Thấy được sức thuyết phục to lớn của chiếu dời đô là sự kết hợp giữa lí lẽ và tình cảm. Biết vận dụng bài học để viết văn nghị luận.

**2. Năng lực:**

**2. Năng lực:**

**a. Các năng lực chung:**

- Năng lực tự học; năng lực giải quyết vấn đề; năng lực tư duy; năng lực giao tiếp; năng lực hợp tác; năng lực sử dụng ngôn ngữ.

**b. Các năng lực chuyên biệt:**

- Năng lực sử dụng ngôn ngữ.

Năng lực nghe, nói, đọc, viết, phân tích, cảm thụ văn học

**3. Phẩm chất:**

- Yêu quê hương đất nước, yêu Tiếng Việt.

- Tự lập, tự tin, tự chủ.

- HS biết phát huy truyền thống yêu nước, lòng tự hào dân tộc.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Chuẩn bị của giáo viên:**

- Kế hoạch bài học.

- Học liệu: bảng phụ, tài liệu tham khảo, phiếu học tập.

**2. Chuẩn bị của học sinh:** soạn bài theo nội dung được phân công.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**1. HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU( 5P)**

**a. Mục tiêu:**

- Tạo tâm thế hứng thú cho HS.

- Kích thích HS tìm hiểu về triều đại đầu tiên nhà Lí và công lao của Lí Công Uẩn đối với đất nước.

**b. Nội dung:** Hiểu biết về triều đại nhà Lý.

**c. Sản phẩm:**  Trình bày miệng

**d. Tổ chức thực hiện:**

***\* Chuyển giao nhiệm vụ:***

- GV: nêu câu hỏi

? Dựa vào kiến thức lịch sử cho biết: Nhà vua đầu tiên của triều Lí là ai? Ông có công gì với đất nước? Em hãy cho ví dụ?

**- HS:** tiếp nhận

***\* Thực hiện nhiệm vụ***

*- Học sinh:* trả lời

*- Giáo viên:* quan sát giúp đỡ Hs

***\* Dự kiến sản phẩm:***

LCU là nhà vua đầu tiên triều đại nhà Lí, ông có công lao to lớn xây dựng đất nước ,đầu tiên trong việc chuyển đô.

***\* Báo cáo kết quả:*** Học sinh trả lời miệng

***\* Đánh giá kết quả:***

- HS nhận xét, bổ sung đánh giá

- GV nhận xét đánh giá

->GV gieo vấn đề cần tìm hiểu trong bài học: Công lao của ông được ghi dấu ấn đậm nét trong tác phẩm “ Chiếu dời đô” . Vậy tác phẩm này phản ánh điều gì? Bài học hôm nay chúng ta cùng tìm hiểu.

**2. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của thầy và trò** | **Chuẩn KTKN**  **cần đạt** |
| **Hoạt động 1:** Giới thiệu chung (10P)  **a. Mục tiêu:** Giúp HS nắm được những nét cơ bản về tác giả Lí Công Uẩn và văn bản ***Chiếu dời đô*.**  **b. Nội dung:** Hoạt động giao dự án từ tiết trước tìm hiểu tác giả, tác phẩm.  **c. Sản phẩm:** phiếu học tập của học sinh  **4. Phương án kiểm tra, đánh giá**  - Học sinh tự đánh giá.  - Học sinh đánh giá lẫn nhau.  - Giáo viên đánh giá.  **d. Tổ chức thực hiện:**  ***\* Chuyển giao nhiệm vụ***  *- Giáo viên*: nêu yêu cầu  1. Nêu những hiểu biết của em về tác giả Lí Công Uẩn?  2. Nêu những hiểu biết của em về văn bản “Chiếu dời đô”  3. Trình bày những hiểu biết của em về thể loại của văn bản?  4. Bài chiếu này thuôc kiểu văn bản nào mà em đã học? Vì sao em khẳng định như vậy?  **- HS:** tiếp nhận  ***\* Thực hiện nhiệm vụ:***  - *Học sinh*: làm việc cá nhân.  - *Giáo viên*: quan sát, hỗ trợ hs  ***\* Dự kiến sản phẩm:***  *\** Hình thức:  ***1. Tác giả:***  - Lí Công Uẩn người làng Cổ Pháp (Từ Sơn, Bắc Ninh), mẹ họ Phạm, sinh ngày 12 tháng 2 năm Giáp tuất (974), mẹ chết khi mới sinh, thiền sư Lí Khánh Văn nhận làm con nuôi, Lí công Uẩn là người thông minh và có chí khí khác người ngay từ nhỏ.  - Nhờ sự nuôi dạy của nhà sư Lí Khánh Văn và Lí Vạn Hạnh, Lí Công Uẩn trở thành người xuất chúng, văn võ kiêm toàn, làm đến chức Điện tiền chỉ huy sứ. Khi Lê Ngọa Triều mất, triều thần tôn Lí Công Uẩn lên ngôi hoàng đế, niên hiệu Thuận Thiên, vẫn lấy quốc hiệu là Đại Cồ Việt , đóng đô tại Hoa Lư.  ***2. Văn bản:***  - HCST: Năm 1010, Lí Công Uẩn viết bài chiếu bày tỏ ý định dời đô từ Hoa Lư (Ninh Bình ngày nay) ra thành Đại La (Hà Nội ngày nay) sau đổi tên là Thăng Long tức rồng bay lên thể hiện thế phát triển đi lên của Đại Việt.  - Được viết bằng chữ Hán.  - Bố cục:  + Từ đầu -> không thể không dời đổi: phân tích những tiền đề, cơ sở lịch sử và thực tiễn của việc dời đô.  + Tiếp theo-> muôn đời: những lí do để chon Đại La làm kinh đô.  + Còn lại: Kết luận.  ***3. Thể chiếu:***  - Chiếu là thể văn do vua dùng để ban bố mệnh lệnh.  - Chiếu: có thể viết bằng văn vần, văn biền ngẫu, hoặc văn xuôi (biền: là hai con ngựa kéo xe sóng đôi; ngẫu: là từng cặp) tức là những cặp câu cân xứng với nhau. VD: “đã đúng ngôi nam bắc đông tây; lại… dựa núi”.  - Đặc điểm riêng: đây là văn bản viết bằng văn xuôi có xen các câu văn biền ngẫu.  4. Kiểu văn bản nghị luận vì nó dùng lập luận để thuyết phục người nghe về vấn đề sự cần thiết phải dời đô từ Hoa Lư về Đại La.  G nêu yêu cầu đọc: giọng điệu chung trang trọng, mạch lạc, rõ ràng, cần chú ý nhấn mạnh sắc thái tình cảm tha thiết, chân thành.  VD: “Trẫm rất đau xót……”  ? Bài văn có mây luận điểm? Xác định ranh giới các luận điểm trong văn bản?  - Từ đầu -> không thể không dời đổi: phân tích những tiền đề, cơ sở lịch sử và thực tiễn của việc dời đô.  - Tiếp theo -> muôn đời: những lí do để chon Đại La làm kinh đô.  - Còn lại: Kết luận.  ***\* Báo cáo kết quả:*** Hs trả lời  ***\* Đánh giá kết quả:***  - Học sinh: các nhóm nhận xét , bổ sung, đánh giá  - Giáo viên nhận xét, đánh giá  ->Giáo viên chốt kiến thức và ghi bảng  *Gv:*  *- Lí Công Uẩn từ nhỏ đã sống trong chùa, một môi trường dễ làm con người ta có một tâm hồn nhân bản. Ngày nay tại vườn hoa Chí Linh – HN nhân dân ta đã lập tượng đài Lí Thái Tổ. Từ bé Lí Công Uẩn vốn đã thông minh, tuấn tú khác người. Nhà sư Vạn Hạnh từng khen: Đứa bé này lớn lên ắt có thể giải nguy gỡ rối làm bậc minh chủ thiên hạ.*  ***-*** *Chiếu, hịch, cáo nói chung là những văn bản chính luận thường là mệnh lệnh hoặc lời kêu gọi thông báo từ trên ban xuống (thể hịch và cáo các em sẽ được học ở các bài sau). Đây là văn bản viết bằng chữ Hán. “Chiếu dời đô”còn có đặc điểm riêng: đó là bên cạnh tính chất mệnh lệnh là tính chất tâm tình và để rõ hơn các em tìm hiểu phần III.*  **Hoạt động 2: Những tiền đề, cơ sở lịch sử và thực tiễn của việc dời đô:**  **a. Mục tiêu:**  - Thấy được khát vọng của nhân dân ta về một đất nước độc lập, thống nhất hùng cường và khí phách của dân tộc Việt đang trên đà lớn mạnh được phản ánh qua Chiếu dời đô;  - Thấy được sức thuyết phục của Chiếu dời đô là sự kết hợp giữa lí lẽ và tình cảm. Biết vận dụng bài học để viết văn nghị luận.  **b. Nội dung:** Hoạt động cặp đôi tìm hiểu tiền đề, cơ sở lịch sử và thực tiễn của việc dời đô.  **c. Sản phẩm:** phiếu học tập của nhóm  **d. Tổ chức thực hiện:**  ***\* Chuyển giao nhiệm vụ***  *- Giáo viên*: nêu yêu cầu  1. Tác giả đã phân tích những tiền đề, cơ sở lịch sử và thực tiễn của việc dời đô bằng cách nào? Tác dụng của cách lập luận ấy?  2. Nhận xét về cách lập luận của tác giả?  3. Qua đó, em có nhận xét gì về LCU?  **- HS:** tiếp nhận  ***\* Thực hiện nhiệm vụ:***  - *Học sinh*: thảo luận cặp đôi.  - *Giáo viên*: quan sát, hỗ trợ hs  **\* Dự kiến sản phẩm:**  ***1. Tác giả phân tích bằng cách:***  - Mở đầu, nhà vua viện dẫn sử sách, nói về việc dời đô của các vua thời xưa bên TQ:  Thời nhà Thương 5 lần dời đô, nhà Chu 3 lần….nhằm mục đích mưu toan nghiệp lớn, xây dựng vương triều phồn thịnh tính kê lâu dài, vừa thuận theo mệnh trời (phù hợp quy luật khách quan), vừa thuận theo ý dân. -> Kq: làm cho đất nước được vững bền, phát triển thịnh vượng.  -> Tác dụng: tạo một tiền đề lý luận vững chắc. Đó đều là những chuyện đã xảy ra trong thực tế bởi vậy nếu có làm theo cũng không có gì là bất thường.  Hơn nữa những việc làm đó hợp lòng trời vừa lòng dân.  Hội tụ các yếu tố thiên thời địa lợi nhân hoà, có tác dụng thu phục lòng người.  - Sau đó, tác giả soi sử sách vào tình hình thực tế của dân tộc để nhận xét có tính chất phê phán hai triều đại Đinh, Lê cứ đóng yên đô tại Hoa Lư gây ra những sai lầm: không theo mệnh trời (không phù hợp với quy luật khách quan), không biết học theo cái đúng của người xưa, dẫn đến hậu qủa: triều đại ngắn ngủi, nhân dân khổ sở, vạn vật không thích nghi, không thể phát triển trong vùng đất chật chội.  - Cuối cùng tác giả khẳng định: “Không thể không dời đổi”  ***2. Nhận xét:***  - Cách lập luận hợp lí, chặt chẽ.  - Cùng với dẫn chứng cụ thể, sinh động, rõ ràng tác giả đan xen những câu văn biểu cảm (tình cảm chân thành của tác giả) “Trẫm rất đau xót…” làm cho lời văn tác động mạnh đến tình cảm người nghe, người đọc làm tăng sức thuyết phục.  - Tuy nhiên cần nhìn nhận công bằng hơn với hai triều đại này vì thực ra khi đó thế và lực của triều Đinh, Lê chưa đủ mạnh để ra nơi đồng bằng, đất phẳng để phòng thủ tốt cần phải dựa vào địa thế hiểm trở của vùng núi Hoa Lư để chống giặc ngoại xâm.  ***\* Báo cáo kết quả:*** Hs trả lời  ***\* Đánh giá kết quả:***  - Học sinh: các nhóm nhận xét , bổ sung, đánh giá  - Giáo viên nhận xét, đánh giá  ->Giáo viên chốt kiến thức và ghi bảng  ***GV:*** Trong lí luận của tác giả đã hội tụ ba điều kiện thiên thời địa lợi nhân hoà có tác dụng đánh vào lòng người. Muốn thuyết phục được người nghe cần phải có lí lẽ dẫn chứng rõ ràng, ở đây tác giả đã viện dẫn lịch sử Trung Quốc làm tiền đề. Đặt vào thời kì ấy cũng là lẽ tự nhiên. Vì trong tâm lí người xưa thường lấy Trung Quốc – một láng giềng khổng lồ của chúng ta làm hình mẫu. Đó là cách lập luận thường gặp trong văn học cổ VD trong “Hịch tướng sĩ; Bình Ngô Đại Cáo”. Đó là cách đánh vào nhân tâm phù hợp tâm lí người nghe. Điều này chứng tỏ LCU đã rất sáng suốt ngay từ những lập luận đầu tiên.  Như vậy để thuyết phục người nghe tác giả không chỉ có cái lí bên ngoài mà còn kết hợp cả lôgíc bên trong đó là tấm lòng riêng, tình cảm riêng của tác giả. Sự kết hợp hài hoà giữa lí và tình tạo nên vẻ đẹp lung linh cho ngôn ngữ lập luận của văn nghị luận vốn rất khô khan.  Lời kết đoạn 1 là phủ định một điều phủ định ấy chính là sự khẳng định. Đó là chân lí của tư duy. Đây là một quyết định cực kì quan trọng đối với một dân tộc. Song văn bản thực sự đi vào lòng người có lẽ phải ở luận điểm thứ hai.  **Hoạt động 3: Những lí do để chọn thành Đại La là kinh đô bậc nhất:**  **a. Mục tiêu:** thấy được những lí do để LCU chọn Đại La làm kinh đô và tài năng lập luận của tác giả.  **b. Nội dung:** Hoạt động nhóm tìm hiểu lí do Lý Công Uẩn chọn thành Đại La là kinh đô.  **c. Sản phẩm:** phiếu học tập của nhóm  **d. Tổ chức thực hiện:**  ***\* Chuyển giao nhiệm vụ***  *- Giáo viên*: nêu yêu cầu  1.Theo tác giả, những lí do nào để chon thành Đại La làm kinh đô của đất nước?  2. Tác giả đã lập luận bằng cách nào?  3. Quyết định dời đô về vùng đất nhiều lợi thế trên cho em hiểu gì về đức vua Lí Thái Tổ?  **- HS:** tiếp nhận  ***\* Thực hiện nhiệm vụ:***  - *Học sinh*: thảo luận cặp đôi.  - *Giáo viên*: quan sát, hỗ trợ hs  **\* Dự kiến sản phẩm:**  1. Theo tác giả, những lí do để chon thành Đại La làm kinh đô của đất nước:  - Về vị trí địa lí: ở vào nơi trung tâm trời đất, thế rồng cuộn hổ ngồi, mở ra 4 hướng nam bắc đông tây, có núi có sông đất rộng mà bằng phẳng, cao mà bằng phẳng, tránh được lụt lội, chật chội..  - Vị thế chính trị- văn hoá: là đầu mối giao lưu, chốn hội tụ của 4 phương là mảnh đất hưng thịnh “muôn vật cũng rất mực phong phú tốt tươi”.  2. Tác giả đã lập luận bằng cách:  - Sử dụng từ “huống gì” nối kết đoạn văn: lôgíc và liền mạch.  - Sử dụng câu văn biền ngẫu, mỗi câu có hai vế tác động bổ sung cho nhau với NT đối rất chỉnh (đối ý, đối lời, đối thanh, đối nhịp).  - Có sự kết hợp hài hoà các yếu tố nghị luận và biểu cảm “Xem khắp….”  - Hình ảnh vừa tả thực vừa bay bổng tạo vẻ đẹp hào hùng cho phong cảnh Đại La.  ***-*** Lí lẽ đưa ra rất chặt chẽ được dẫn dắt cụ thể linh hoạt . Tất cả nhấn mạnh địa thế tuyệt vời của thành Đại La.  3. Quyết định dời đô về vùng đất nhiều lợi thế trên cho thấy đức vua Lí Thái Tổ là một người có tầm nhìn chiến lược, có quyết định sáng suốt biết nhìn xa trông rộng, có ý chí hoài bão lớn lao, có ý thức trách nhiệm với đất nước, dân tộc.  ***\* Báo cáo kết quả:*** Hs trả lời  ***\* Đánh giá kết quả:***  - Học sinh: các nhóm nhận xét , bổ sung, đánh giá  - Giáo viên nhận xét, đánh giá  ->Giáo viên chốt kiến thức và ghi bảng  ***GV:*** Việc làm đó có tác dụng tạo tiền đề cho sự phát triển của một quốc gia, một dân tộc, điều đó được lịch sử chứng minh với 8 đời vua nhà Lí (Lí Bát Đế), phát triển rực rỡ thịnh vượng với hội tao đàn, đời sống ấm no hạnh phúc. Cho đến ngày nay không phải ngẫu nhiên chúng ta tiến hành kỉ niệm 990 năm tiến tới 1000 năm Thăng Long Hà Nội. Song cơ bản ẩn đằng sau đó là một tâm hồn lớn. Nếu không có tâm huyết, không có tâm hồn không bao giờ có khát khao dời đô. Tự đặt mình vào một vị thế mới chứng tỏ một hoài bão rất lớn, một ý thức trách nhiệm rất cao nghĩ đến tương lai một dân tộc. Chính vì vậy nâng“Chiếu dời đô”lên một tầm cao mới. Nó không chỉ là một quyết định khô khan, ban bố, mệnh lệnh mà là tiếng nói đầy tâm huyết của một tấm lòng yêu nước.  => Hình ảnh thành Thăng Long, chùa Một Cột thủ đô HN phát triển rực rỡ là những minh chứng hùng hồn cho quyết định sáng suốt của LCU.  **Hoạt động 4: Thông báo về quyết định dời đô**  **a. Mục tiêu:** Nêu được những đặc sắc trong cách kết thúc vấn đề của tác giả.  **b. Nội dung:** Hoạt động cá nhân tìm hiểu về quyết định dời đô.  **c. Sản phẩm:** câu trả lời của hs  **d. Tổ chức thực hiện:**  ***\* Chuyển giao nhiệm vụ***  *- Giáo viên*: nêu yêu cầu  Tác giả kết thúc bài chiếu bằng cách nào? Nêu nhận xét của em về cách kết thúc ấy?  **- HS:** tiếp nhận  ***\* Thực hiện nhiệm vụ:***  - *Học sinh*: thảo luận cặp đôi.  - *Giáo viên*: quan sát, hỗ trợ hs  *\* Dự kiến sản phẩm:*  - Kết thúc chuyển từ đơn thoại sang đối thoại thể hiện sự đồng cảm sâu sắc giữa đức vua và bề tôi.  ***\* Báo cáo kết quả:*** Hs trả lời  ***\* Đánh giá kết quả:***  - Học sinh: các nhóm nhận xét , bổ sung, đánh giá  - Giáo viên nhận xét, đánh giá  ->Giáo viên chốt kiến thức và ghi bảng  ***GV:*** Đây là cách kết thúc hết sức lạ trong một bài chiếu. Nó không còn là lời mệnh lệnh có tính chất cưỡng chế mà là hỏi ýý kiến để đặt ra sự lựa chọn. Như vậy LCU đã vượt lên những ràng buộc, quy định xã hội lúc bấy giờ để thể hiện một tinh thần dân chủ đáng quýý. Nó khiến cho bài chiếu không còn là những lí lẽ khô khan mà đầy tâm huyết và dân chủ.  **Hoạt động 5: Tổng kết**  **a. Mục tiêu:** Nêu được những đặc sắc trong cách kết thúc vấn đề của tác giả.  **b. Nội dung:** Nộ dung, nghệ thuật của văn bản.  **c. Sản phẩm:** câu trả lời của hs  **d. Tổ chức thực hiện:**  ***\* Chuyển giao nhiệm vụ***  *- Giáo viên*: nêu yêu cầu  Khái quát nội dung và nghệ thuật của văn bản  **- HS:** tiếp nhận  ***\* Thực hiện nhiệm vụ:***  - *Học sinh*: thảo luận cặp đôi.  - *Giáo viên*: quan sát, hỗ trợ hs  *\* Dự kiến sản phẩm:*  ***+*** NT: - Bố cục 3 phần chặt chẽ.  - Giọng văn trang trọng, thể hiện suy nghĩ, tình cảm sâu sắc của tác giả về một vấn đề hết sức quan trọng của đất nước.  - Lựa chọn ngôn ngữ có tính chất tâm tình, đối thoại.  + ND: Phản ánh khát vọng của ND về một đất nước độc lập, thống nhất, đồng thời phản ánh ý chí tự lực, tự cường của dân tộc ĐV đang trên đà lớn mạnh  ***\* Báo cáo kết quả:*** Hs trả lời  ***\* Đánh giá kết quả:***  - Học sinh: các nhóm nhận xét , bổ sung, đánh giá  - Giáo viên nhận xét, đánh giá  ->Giáo viên chốt kiến thức và ghi bảng | **I. Giới thiệu chung**  1**.Tác giả**:  (974- 1028):  - Lí Công Uẩn là người thông minh, nhân ái, có chí lớn, là người sáng lập vương triều nhà Lí.  **2. Văn bản**  **a. Hoàn cảnh xuất xứ, thể loại :**  Được Lí Công Uẩn viết vào năm 1010 bày tỏ ý định dời đô ra thành Đại La (Hà Nội )  - Thể loại: Chiếu  **b. Đọc, chú thích bố cục**  **II. Tìm hiểu văn bản**  **1. Những tiền đề, cơ sở lịch sử và thực tiễn của việc dời đô :**  - Viện dẫn sử sách  - Soi sử sách vào tình hình thực tế.  - Dẫn chứng cụ thể, sinh động, rõ ràng tác giả đan xen những câu văn biểu cảm. Lập luận hợp lí, chặt chẽ.  **2. Những lí do để chọn thành Đại La là kinh đô bậc nhất:**  - Lợi thế của thành Đại La:  + Vị trí địa lí.  + Vị thế chính trị, văn hóa.  -> xứng đáng là kinh đô đất nước  - Lập luận chặt chẽ, câu văn biền ngẫu, cân xứng.  **3. Thông báo về quyết định dời đô**  Kết thúc nhẹ nhàng, cởi mở, mang tính dân chủ.  **III. Tổng kết:**  **1. Nghệ thuật:**  - Bố cục 3 phần chặt chẽ.  - Giọng văn ........  - Lựa chọn ngôn ngữ ...  **2. Nội dung:**  Phản ánh khát vọng...  **IV. Luyện tập:** |

**3. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP (10)**

**a. Mục tiêu:**

-Vận dụng kiến thức đã học vào làm bài tập

**b. Nội dung:** hoạt động cá nhân

**c. Sản phẩm:**  hs làm vào vở bài tập

**d. Tổ chức thực hiện:**

***\*Chuyển giao nhiệm vụ***

- GV: Sự hấp dẫn của bài “Chiếu dời đô” là ở sự kết hợp giữa lí trí và tình cảm. Hãy làm sáng rõ điều này ?

- HS: tiếp nhận

**\*Thực hiện nhiệm vụ**

- *Học sinh:* làm việc cá nhân

- *Giáo viên:* quan sát hs làm việc, hỗ trợ khi cần thiết

*\* Dự kiến sản phẩm:*

- Lí lẽ sắc bén, dẫn chứng xác thực.

- Biểu lộ tình cảm trực tiếp, hỏi ý kiến quần thần...

***\* Báo cáo kết quả:*** Hs: trình bày miệng

***\* Đánh giá kết quả:***

- Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá

- Giáo viên nhận xét, đánh giá

->Giáo viên chốt kiến thức

**4. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG(7P)**

**a. Mục tiêu:** HS biết vận dụng kiến thức đã học áp dụng vào cuộc sống thực tiễn.

**b. Nội dung:** Những cảm nhận về Vua Lý Công Uẩn.

**c. Sản phẩm:** Bài viết của học sinh

**d. Tổ chức thực hiện:**

***\*Chuyển giao nhiệm vụ***

- GV: ? Từ bài Chiếu dời đô, em trân trọng những phẩm chất nào của Lí Công Uẩn ? Em học được điều gì về ông?

- HS: tiếp nhận

**\*Thực hiện nhiệm vụ**

- *Học sinh:* làm việc cá nhân

- *Giáo viên:* quan sát hs làm việc, hỗ trợ khi cần thiết

***\* Dự kiến sản phẩm****:*

- Lòng yêu nước cao cả, biểu hiện ở ý chí dời đô về Đại La để mở mang phát triển đất nước.

- Tầm nhìn sáng suốt về một vận mệnh đất nước.

- Lòng tin mãnh liệt vào tương lai tươi sáng của dân tộc.

***\* Báo cáo kết quả:*** Hs trình bày

***\* Đánh giá kết quả:***

+ Hs khác nhận xét, bổ sung, đánh giá

+ GV đánh giá câu trả lời của HS.

-> GV chốt kiến thức.

**\* Hướng dẫn học và làm bài ở nhà:**

- Học bài, hoàn thiện các bài tập vào vở.

- Chuẩn bị bài:

|  |  |
| --- | --- |
| **Tiết: 92** |  |

**Tiếng Việt**

**CÂU PHỦ ĐỊNH**

**Thời gian thực hiện: 1 tiết**

**I. MỤC TIÊU:**

**1. Kiến thức:**Hiểu rõ đặc điểm hình thức và chức năng của câu phủ định.

**2. Năng lực:**

**a. Các năng lực chung:**

- Năng lực tự học; năng lực giải quyết vấn đề; năng lực tư duy; năng lực giao tiếp; năng lực hợp tác.

**b. Các năng lực chuyên biệt:**

- Năng lực sử dụng ngôn ngữ.

- Năng lực nghe, nói, đọc, viết, tạo lập văn bản

**-** HS có kĩ năng dùng câu phủ định phù hợp với hoàn cảnh giao tiếp.Năng lực dùng câu đúng và hay.

**3. Phẩm chất:**

**-** HS có ý tình yêu Tiếng Việt; có ý thức trau dồi vốn ngôn ngữ Tiếng Việt và giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt.

- Yêu quê hương đất nước.

- Tự lập, tự tin, tự chủ.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Chuẩn bị của giáo viên:**

- Kế hoạch bài học.

- Học liệu: bảng phụ, tài liệu tham khảo, phiếu học tập.

**2. Chuẩn bị của học sinh:** soạn bài theo nội dung được phân công.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**1. HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU( 3P)**

**a. Mục tiêu:**

- Tạo tâm thế hứng thú cho HS

**b. Nội dung:** Hiểu biết của HS về câu chia theo mục đích nói.

**c. Sản phẩm:**  Trình bày miệng

**d. Tổ chức thực hiện:**

***\* Chuyển giao nhiệm vụ:***

- GV: nêu câu hỏi

GV giao nhiệm vụ đưa tình huống hỏi 2 HS

? Trong giờ sinh hoạt, có một bạn trong lớp nói rằng hôm qua em đi học muộn vì mải chơi ở quán điện tử nhưng sự thật không phải như vậy. Em sẽ thanh minh (phản bác) lại bạn ntn?

? Câu em vừa trả lời thuộc kiểu câu gì? Kiểu câu đó có đặc điểm hình thức và chức năng có gì khác so với các kiểu câu đã học?

**- HS:** tiếp nhận

***\* Thực hiện nhiệm vụ***

*- Học sinh:* trả lời

*- Giáo viên:* quan sát giúp đỡ Hs

*\* Dự kiến sản phẩm:*

- Không phải thế ! Hôm qua mình không đi chơi điện tử. Xe mình bị hỏng nên không đến đúng giờ.

- Đâu có ! Mình không đi chơi điện tử. Mình bị ngã xe nên không đến đúng giờ.

- Câu em vừa trả lời thuộc kiểu câu phủ định. Kiểu câu đó có đặc điểm hình thức có từ phủ định …và chức năng phủ định, phản bác lại ý kiến …

HS có thể trả lời được câu hỏi trên hoặc có thể không...

***\* Báo cáo kết quả:*** Học sinh trả lời miệng

***\* Đánh giá kết quả:***

- HS nhận xét, bổ sung đánh giá

- GV nhận xét đánh giá

->GV gieo vấn đề cần tìm hiểu trong bài học:

Câu phủ định là gì? Đặc điểm hình thức và chức năng của nó là gì khác so với các kiểu câu đã học chúng ta cùng tìm hiểu bài học hôm nay.

**2. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của thầy và trò** | **Nội dung** |
| **Hoạt động 1: đặc điểm hình thức và chức năng của câu trần thuật phủ định**  **a. Mục tiêu:** Nêu được những hiểu biết của mình về câu phủ định  **b. Nội dung:** Hoạt động nhóm tìm hiểu ví dụ.  **c. Sản phẩm:** phiếu học tập của nhóm  **d. Tổ chức thực hiện:**  ***\* Chuyển giao nhiệm vụ***  *- Giáo viên*: nêu yêu cầu  1. Các câu (b,c,d) có đặc điểm hình thức gì khác so với câu (a)?  2. Những câu này có gì khác với câu (a) về chức năng?  3. Trong đoạn trích trên, những câu nào có từ ngữ phủ định?  4. Mấy ông thầy bói xem voi dùng những câu có từ ngữ phủ định để làm gì?  5. Vậy câu phủ định là gì? Nó có những chức năng gì?  **- HS:** tiếp nhận  ***\* Thực hiện nhiệm vụ:***  - *Học sinh*: làm việc cá nhân.  - *Giáo viên*: quan sát, hỗ trợ hs  ***\* Dự kiến sản phẩm:***  1. Các câu (b,c,d) khác với câu (a) ở các từ: không, chưa, chẳng.  2. Câu (a) dùng để khẳng định việc Nam đi Huế là có thể diễn ra.  Câu (b,c,d) phủ định việc đó sẽ không diễn ra.  G: Những câu (b,c,d) chứa từ ngữ phủ định người ta gọi đó là câu phủ định.  3. Trong đoạn trích trên, những câu nào có từ ngữ phủ định?  - Không phải, nó trần trẫn như cái đòn càn.  - Đâu có!  4. Để phản bác một ý kiến, một nhận định của người đối thoại.  5. HS rút ra từ phần ghi nhớ/ 53.  ***\* Báo cáo kết quả:*** Hs trả lời  ***\* Đánh giá kết quả:***  - Học sinh: các nhóm nhận xét , bổ sung, đánh giá  - Giáo viên nhận xét, đánh giá  ->Giáo viên chốt kiến thức và ghi bảng | **I. Đặc điểm hình thức và chức năng:**  **1. Ví dụ:**  **2. Nhận xét:**  - Có những từ phủ định: không, …  - Dùng để:  + Thông báo, xác nhận không có sự việc.  + Phản bác một ý kiến, nhận định.  **3. Ghi nhớ:** sgk |

**3. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu:**

-Vận dụng kiến thức đã học vào làm bài tập

**b. Nội dung:** hoạt động cặp đôi (Bt2,4), nhóm (BT3,5), cá nhân (BT1)

**c. Sản phẩm:**  hs làm vào vở bài tập

**d. Tổ chức thực hiện:**

***\*Chuyển giao nhiệm vụ***

- GV: theo sgk

- HS: tiếp nhận

**\*Thực hiện nhiệm vụ**

- *Học sinh:* làm việc cá nhân

- *Giáo viên:* quan sát hs làm việc, hỗ trợ khi cần thiết

**\* Dự kiến sản phẩm:**

**1. Bài tập 1:**

a) Bằng hành động đó…cho tương lai.

-> Câu phủ định miêu tả

b) Cụ cứ tưởng…gì đâu!

-> Câu phủ định bác bỏ: Ông giáo phản bác lại suy nghĩ của lão Hạc về con chó Vàng.

c) Không, chúng con không đói nữa đâu.

-> Câu phủ định bác bỏ: cái Tí phản bác lại điều mà mẹ nó đang nghĩ là nó đói.

**2. Bài tập 2:**

Cả ba câu đều là câu phủ định vì đều có từ ngữ phủ định. Nhưng nó lại kết hợp với:

a. 1 từ phủ định khác: “ không phải là không”

b. 1 từ nghi vấn: “ai chẳng”

c. 1 từ phủ định khác và một từ bất định: “ không ai không”

-> Khi đó ý của câu phủ định là khảng định chứ không phải phủ định.

- Những câu không có từ phủ định mà ý tương đương:

a. Câu chuyện có lẽ chỉ là một câu chuyện hoang đường xong có ý nghĩa ( nhất định)

b. Tháng 8, hồng ngọc đỏ, hồng hạc vàng ai cũng (mọi người đều) từng ăn trong tết trung thu, ăn…

c. Từng qua thời thơ ấu ở Hà Nội, ai cũng có 1 lần…

**3. Bài tập 3:**

- Nếu thay thì câu văn này phải viết lại: “Choắt chưa dậy được…”.

ýÝ nghĩa câu thay đổi

“chưa”: sau đó có thể dậy được.

“không”: không thể dậy được

-> Có thể chết.

=> Câu văn của Tô Hoài thích hợp với mạch của câu chuyện hơn.

**4. Bài tập 4:**

Các câu đó không phải là câu phủ định (vì không có từ ngữ phủ định) nhưng cũng dùng để biểu thị ýý phủ định (phủ dịnh bác bỏ, phản bác ý kiến, nhận định trước đó).

a, Ngôi nhà này không đẹp!

b, Không có chuyện đó!

c, Bài thơ này không hay!

c, Tôi cũng chẳng sướng hơn lão.

**5. Bài tập 5:**

- Nếu thay như vậy ý nghĩa của câu sẽ thay đổi hẳn.

“Quên”: không nghĩ tới, không để tâm-> không phải từ phủ định

***\* Báo cáo kết quả:*** Hs: trình bày miệng

***\* Đánh giá kết quả:***

- Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá

- Giáo viên nhận xét, đánh giá

->Giáo viên chốt kiến thức

**4. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG(2P)**

**a. Mục tiêu:** HS biết vận dụng kiến thức đã học áp dụng vào cuộc sống thực tiễn.

**b. Nội dung:** HĐ cá nhân viết đoạn văn có sử dụng câu phủ định.

**c. Sản phẩm:** Bài viết của học sinh

**d. Tổ chức thực hiện:**

***\* Chuyển giao nhiệm vụ:***

**- GV:**

**Bài 6 :** Viết 1 đoạn đối thoại ngắn có sử dụng câu phủ định miêu tả và phủ định bác bỏ ?

**- HS:** tiếp nhận

***\* Thực hiện nhiệm vụ:***

*- Học sinh:* trả lời

*- Giáo viên:* hướng dẫn, nghe Hs trình bày.

*\* Dự kiến sản phẩm:*

VD đoạn văn

An gặp Hải nói to:

- Hôm qua tớ không trông thấy cậu ở trận đấu bóng. Dạo này cậu không còn ham mê bóng đá nữa à?

- Đâu có! Mẹ mình bị ốm nên mình không tham gia được.

***Chú thích:***

- Hôm qua tớ không trông thấy cậu ở trận đấu bóng(phủ định miêu tả)

Mẹ mình bị ốm nên mình không tham gia được. (phủ định miêu tả)

- Đâu có! (phủ định bác bỏ)

***\* Báo cáo kết quả:*** Hs trình bày

***\* Đánh giá kết quả:***

+ Hs khác nhận xét, bổ sung, đánh giá

+ GV đánh giá câu trả lời của HS.

-> GV chốt kiến thức.

**\* Hướng dẫn học và làm bài ở nhà:**

- Đọc và tìm những câu phủ định trong bài thơ “Ông đồ” của Vũ Đình Liên?

- Học bài, hoàn thiện các bài tập vào vở.

- Chuẩn bị bài: chương trình địa phương ( phần TLV)